TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2018/HS-ST
Ngày 06 - 02 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Ngọc Tiền

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Trần Quốc Vũ - Phó hiệu trưởng Trường THPT Thủ Khoa Nghĩa thành phố Châu Đốc;

+ Ông Lý Vĩnh Thành - Chủ tịch Hội Đông y thành phố Châu Đốc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Đại Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 62/2017/TLST-HS ngày 18 tháng 12 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2018/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo:

Phạm Văn N, sinh năm 1984 tại thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: tổ M, khóm B, phường C, thành phố Đ, tỉnh An Giang; chỗ ở hiện nay: tổ B, khóm C, phường N, thành phố Đ, tỉnh An Giang; nghề nghiệp làm thuê; trình độ văn hoá: 0/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn H và bà Đặng Thị N; có vợ và 02 con; tiền án: ngày 23/7/2014, bị Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xử phạt 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; chấp hành xong hình phạt tù ngày 25/10/2014, tiền sự chưa; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/10/2017, có mặt.

Người bị hại: Ông Bùi Văn Đ, sinh năm 1967, nơ cư trú: tổ S, khóm V, phường N, thành phố Đ, tỉnh An Giang, vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Ông Trương Văn G, sinh năm 1983; nơi cư trú: tổ B, khóm C, phường N, thành phố Đ, tỉnh An Giang, vắng mặt;

- Bà Đỗ Thị Kim L, sinh năm 1974, nơi cư trú: tổ B, khóm C, phường N, thành phố Đ, tỉnh An Giang, vắng mặt;

- Ông Trương Văn H, sinh năm 1984, nơi cư trú: tổ B, khóm C, phường N, thành phố Đ, tỉnh An Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án Đ tóm tắt như sau:

Bị cáo Phạm Văn N bị Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 22 giờ ngày 13/4/2014 sau khi uống rượu xong, Trương Văn G rủ Phạm Văn N đi bắt trộm cá lấy tiền tiêu xài và được N đồng ý. N sử dụng xe đạp của ông Trương Văn H, chở G đến hầm nuôi cá của ông Bùi Văn Đ (thuộc khu vực tổ S, khóm V, phường N, thành phố Đ, tỉnh An Giang), N và G kéo 02 vèo cá lóc giống lên bờ, bắt tất cả bỏ vào bao nylon (nhặt gần đó) chở về nhà N. Khoảng 09 giờ 00 phút ngày 14/4/2014, N mượn xe mô tô biển kiểm soát 67AD – 001.37 của ông Trương Văn H chở số cá lóc đến bán cho bà Đỗ Thị Kim Loan được 1.317.000 đồng. N mang tiền về đưa cho G và được chia 500.000 đồng. Riêng ông Đ sau khi phát hiện tài sản bị mất, đến Công an phường Vĩnh Ngươn trình báo.

Vật chứng thu giữ:

- Một chiếc xe đạp mini, đã qua sử dụng, sườn xe sơn màu đỏ, rổ xe sơn màu trắng, pi đông bằng sắt rỉ sét (xe của Trương Văn H do N chở G đi trộm cá).

- Tiền Việt Nam 850.000 đồng (do L bán cá được 800.000 đồng và thu 50.000 đồng của H).

Theo biên bản định giá số 170/BB-ĐG ngày 01/10/2014 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự thành phố Châu Đốc xác định: 75 cặp cá lóc (bố mẹ) trọng lượng mỗi con từ 0,5 kg đến 01 kg, trị giá 9.750.000 đồng.

Ngày 17/10/2014, Phạm Văn N bị khởi tố điều tra, trong quá trình điều tra N đã bỏ trốn nên ngày 16/12/2014, Cơ quan điều tra Công an thành phố Châu Đốc ban hành Quyết định truy nã N và đến ngày 08/10/2017 thì N bị bắt giữ.

Tại bản Cáo trạng số 03/VKS-HS ngày 18 tháng 12 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang đã truy tố bị cáo Phạm Văn N về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, đã Đ sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa, bị cáo N khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố. Bị cáo không có ý kiến tranh luận với lời luận tội của Kiểm sát viên và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

- Kiểm sát viên trình bày lời luận tội: Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có cơ sở xác định hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, đã Đ sửa đổi, bổ sung năm 2009. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Tuy nhiên, căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội và khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 hướng dẫn áp dụng các quy định có lợi cho người phạm tội, hành vi phạm tội nên đề nghị áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự năm 2015 để xử phạt bị cáo.

Hành vi của bị cáo không những xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng xung quanh. Vì vậy, cần có hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo; Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã Đ sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo từ 09 tháng đến 01 năm tù. Do bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng đã được xử lý theo Bản án Hình sự sơ thẩm số 07/2015/HS-ST ngày 09/02/2015 nên không đề cập giải quyết lại.

Căn cứ các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và người tham gia tố tụng khác;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Mặc dù, đã Đ Tòa án tống đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Trương Văn G, bà Đỗ Thị Kim Loan và ông Trương Văn H vẫn vắng mặt. Tuy nhiên, việc vắng mặt của những người tham gia tố tụng không gây trở ngại cho việc xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng này.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an nhân dân thành phố Châu Đốc, Điều tra viên; Viện kiểm sát N dân thành phố Châu Đốc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến khiếu nại nên về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Về nội dung: Bị cáo N khai nhận, khoảng 22 giờ ngày 13/4/2014, sau khi uống rượu, bị cáo điều khiển xe đạp (của ông Trương Văn H) chở Trương Văn G đến hầm nuôi cá của ông Bùi Văn Đ, lợi dụng lúc hầm cá không người trông giữ và không có đèn chiếu sáng nên G nhảy xuống hầm bắt trộm 02 vèo cá lóc giống, bị cáo đứng trên bờ phụ giúp, G tìm được 02 bao nylon (loại dùng đựng lúa), bỏ toàn bộ số cá vào bao nylon và mang về nhà bị cáo cất giấu. Khoảng 09 giờ sáng ngày 14/4/2014, bị cáo mang số cá bắt trộm bán cho bà Đỗ Thị Kim Loan Đ 1.317.000 đồng, bị cáo đưa hết số tiền bán cá Đ cho G và G chia lại cho bị cáo 500.000 đồng, bị cáo tiêu xài cá N hết.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố, phù hợp với lời khai của người bị hại ông Bùi Văn Đ và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Trương Văn G, bà Đỗ Thị Kim Loan, ông Trương Văn H, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Từ các chứng cứ trên, có cơ sở xác định, bị cáo đã cùng với G lợi dụng lúc hầm cá của ông Đ không người trông giữ đã lén lút bắt trộm 02 vèo cá lóc trị giá 9.750.000 đồng (theo kết luận định giá tài sản số 170/KL-ĐG ngày 01/10/2014 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Châu Đốc). Cho nên, hành vi của bị cáo đã đáp ứng mặt khách quan của tội "Trộm cắp tài sản".

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc truy tố bị cáo ra trước phiên tòa hôm nay và lời buộc tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định của pháp luật.

Bị cáo là người có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện với mục đích đem bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Từ đó, có căn cứ kết luận hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Tuy nhiên, căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội hướng dẫn áp dụng các quy định có lợi cho người phạm tội. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận theo đề nghị của Viện Kiểm sát về việc áp dụng quy định

khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 để xử lý đối với hành vi phạm tội của bị cáo Phạm Văn N.

Tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, bị cáo là người trưởng thành nhưng lại lười lao động, muốn có tiền tiêu xài một cách nhanh chóng nên đã bất chấp pháp luật, thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của công dân, gây hoang mang trong nhân dân, làm ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự tại địa phương. Ngoài ra, bị cáo là người có nhân thân xấu, có tiền án về tội trộm cắp tài sản, trong giai đoạn điều tra bị cáo đã tự ý trốn khỏi nơi cư trú, Cơ quan Cảnh sát điều tra phải ban hành Quyết định truy nã bị cáo, từ đó có thể thấy bị cáo không biết ăn năn hối cải, thể hiện ý thức xem thường pháp luật nên cần thiết phải xử lý nghiêm để răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

[4] Tuy nhiên, cũng cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo ở tình tiết thành khẩn khai báo theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017). Đồng thời, do bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Đối với Trương Văn G cùng với bị cáo N chiếm đoạt tài sản của ông Bùi Văn Đ đã bị kết án theo Bản án số 07/2015/HS-ST ngày 09/02/2015 nên không đề cập giải quyết.

[5] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Do Bản án hình sự sơ thẩm 07/2015/HS-ST ngày 09/02/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc đã giải quyết về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng nên không đề cập giải quyết lại.

[6] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu *200.000 (hai trăm nghìn)* đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn N phạm tội "*Trộm cắp tài sản*";

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 điều 51 Bộ Luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội;

Xử phạt: Phạm Văn N 01 (một) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính kể từ ngày bị bắt, tạm giam ngày 08/10/2017 *(ngày tám, tháng mười, năm hai nghìn không trăm mười bảy).*

Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, 333, 337 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Phạm Văn N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo đối với ông Bùi Văn Đ, ông Trương Văn G, bà Đỗ Thị Kim L và ông Trương Văn H là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định Đ thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người Đ thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án Đ thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Viện KSND thành phố (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà Tạm giữ (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Thi hành án DS thành phố (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (1);
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Ngọc Tiền